

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 3 – 2023
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 672/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Ngọc Th, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp 6, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp 6, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang (chỗ ở hiện nay: thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Ngọc Th trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2010 có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Trương Thanh Trang. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan T như trước nữa, không còn tình cảm yêu thương với nhau nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bản thân đã nhiều lần hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả đều không thành nên đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trương Thanh Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/6/2011, hiện do bị đơn nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn nguyên đơn đồng ý để bị đơn được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị T có ý kiến như sau:

Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện đi đến hôn nhân và đến ngày 06/12/2010 được Ủy ban nhân dân xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2011 bị đơn có thai về Bình Định để sinh con được 02 tháng thì nguyên đơn đón về nhà nguyên đơn ở Hậu Giang sinh sống, sau đó nguyên đơn đi Sài Gòn làm việc, đến năm 2013 thì nguyên đơn đón vợ con lên Sài Gòn sinh sống. Sau khi đón lên Sài Gòn được 3 hoặc 4 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do nguyên đơn thường xuyên cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 12/2013 thì bị đơn đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ năm 2013 cho đến nay thì vợ chồng không liên lạc hay qua

lại gì nữa. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì bị đơn đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau.

Về con chung: Có một con chung là cháu Trương Thanh Tr, hiện do bị đơn nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì bị đơn yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: anh Trương Ngọc Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Nguyễn Thị T có địa chỉ ở ấp 06, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Trương Ngọc Th và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Mỹ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai đều tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc ly hôn.

[5] Về con chung: trong thời gian chung sống có một con chung là cháu Trương Thanh Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/06/2011, hiện do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trang có nguyện vọng sống với mẹ, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần ghi nhận ý chí tự nguyện của đương sự nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Trang.

[6] Về cấp dưỡng: nguyên đơn và bị đơn thống nhất mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[7] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Ngọc Th

1. Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn anh Trương Ngọc Th và bị đơn chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Thanh Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/6/2011. Anh Trương Ngọc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trương Ngọc Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trương Thanh Trang hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Thanh Trang đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trương Ngọc Th phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000617 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH,

anh Trương Ngọc Th có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thái Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN****CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nguyễn Văn Dương****Nguyễn Thành Quyền****Hà Thái Thơ**

